TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Xuân Tơn

- Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T Khánh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Vi Thị T; Sinh năm: 1998.

2. Bị đơn: - Anh Cầm Bá N; Sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ: Thôn Bù Đồn, xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2023 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vi Thị T trình bày:

Chị T và anh Cầm Bá N chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/11/2016.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh N không quan tâm tới gia đình dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cải cự nhau, mặc dù hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên ngăn hai vợ chồng về ở cùng nhau để nuôi dạy con nhưng tình hình vẫn không thay đổi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, không ai còn quan tâm tới ai và không liên lạc với nhau nữa, nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cầm Bá N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Cầm Vi Khánh Hà, sinh ngày 17/12/2016, sau khi ly hôn chị T yêu cầu giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản tự khai ngày 10/11/2023 và ngày 28/11/2023 chị T vẫn giữ nguyên về yêu cầu ly hôn. Về con chung chị T thay đổi yêu cầu là đề nghị giao cháu Khánh Hà cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì cháu Khánh Hà hiện đang ở tại nơi cư trú vơi anh N và ông bà nội còn chị T đang phải đi làm xa (tỉnh Bắc Ninh); chi T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến Tòa án để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N và giữ nguyên lời khai tại bản tự khai ngày 10/11/2023 và ngày 28/11/2023 là đề nghị được ly hôn anh N và đề nghị giao cháu Khánh Hà cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì lý do cháu Khánh Hà hiện đang ở tại nơi cư trú với anh N và ông bà nội, còn chị T đang phải đi làm xa và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khánh Hà; chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 đến khi cháu Khánh Hà đến tuổi trưởng thành.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản xác minh nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, UBND xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã xác nhận: Anh N và chị T xây dựng gia đình năm 2016, có thực hiện đăng ký kết hôn, hiện tại đang sinh sống tại địa

phương, vợ chồng có 01 con chung là cháu Cầm Vi Khánh Hà; Quá trình chung sống đến năm 2021 vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm được cho nhau. Hai bên gia đình nội, ngoại đã can ngăn nhưng tình hình không thay đổi, dẫn đến phải khởi kiện ra Tòa để ly hôn. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh N thì anh N đang có mặt tại địa phương, sau đó thì anh N đi làm ở địa phương khác nhưng vẫn thường xuyên về và liên lạc với gia đình. Qua xác minh thông tin cư trú thì anh N hộ khẩu vẫn ở tại địa phương, chưa thực hiện đăng ký tạm trú tạm vắng tại nơi khác, Tòa án đã phối hợp với chính quyền UBND xã Vạn Xuân và thôn Bù Đồn để tống đạt, niêm yết các giấy tờ tố tụng giải quyết vụ án cho anh N và gia đình biết nhưng anh N vẫn không hợp tác về để giải quyết vụ án.

- Đại diện Viên kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm tra từ thời điểm thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48; Điều 198; khoản 2,3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đều được thực hiện theo đúng quy định Điều 68 và các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chuyển Thông báo thụ lý vụ án, các Quyết định đến Viện kiểm sát và tống đạt các văn bản cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; các Điều 191, 195, 196,199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1, Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 63; Điều 227, 228, 239, 247 và Chương II Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và N vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như nộp các chứng cứ đầy đủ để bảo vệ quan điểm của mình theo yêu cầu khởi kiện, trình bày quan điểm của mình khách quan, dân chủ. Bị đơn không thực hiện quyền và N vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật:

Căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28, 39; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; xử cho chị Vi Thị T được ly hôn với anh Cầm Bá N.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Cầm Vi Khánh Hà cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 đến khi cháu Khánh Hà đến tuổi trưởng thành, chị T có quyền thăm nom con theo quy định không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Vi Thị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Cầm Bá N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Cầm Bá N có nơi cư trú tại thôn Bù Đồn, xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án Nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã thông báo thụ lý vụ án đồng thời tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh N và chị T nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được, do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án có quyền Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, nhưng bị đơn anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2024 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 22 tháng 02 năm 2024 theo đúng quy đinh tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh Cầm Bá N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Vi Thị T và bị đơn anh Cầm Bá N chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2016 tại UBND xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không thông cảm cho nhau dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Tòa án đã nhiều lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không đến Tòa án và đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Vi Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Cầm Bá N.

Sau khi Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ, thấy rằng tình cảm giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nên căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị T với anh Cầm Bá N là phù hợp với pháp luật.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên cháu là Cầm Vi Khánh Hà, sinh ngày 17/12/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Vi Thị T đề nghị giao cháu Khánh Hà cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 đến khi cháu Khánh

Hà đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy, hiện tại cháu Cầm Vi Khánh Hà đang ở cùng với anh N ổn định tại địa phương, chị Vi Thị T hiện tại đang phải đi làm xa ở địa phương khác (tỉnh Bắc Ninh), không có nơi ở và thời gian chăm sóc ổn định cho cháu Khánh Hà và xét theo nguyện vọng của cháu Khánh Hà là được ở cùng với bố là anh N. Để đảm bảo không xáo trộn về việc ăn ở và học tập của cháu Khánh Hà cũng như để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một cách tốt nhất cho cháu Khánh Hà, xét thấy cần giao cháu Khánh Hà cho anh Cầm Bá N trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

- *Về tài sản và công nợ:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 69,70,71,72, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị T.

Chị Vi Thị T được ly hôn anh Cầm Bá N.

2. Về con chung: Giao cháu Cầm Vi Khánh Hà, sinh ngày 17/12/2016 cho anh Cầm Bá N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn chị Vi Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu Khánh Hà đến tuổi trưởng thành. Chị T có quyền qua lại thăm nom con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2022/0002413 ngày 06/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải nộp, theo đó chị Vi Thị T còn phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn anh Cầm Bá N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Vạn Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long